

# Hỗ trợ của Ấn Độ đối với công cuộc củng cố độc lập dân tộc của Miến Điện

Lê Thị Quý Đức<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.  
Email: lequiduc.his.sp@gmail.com

Nhận ngày 10 tháng 2 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 4 năm 2020.

**Tóm tắt:** Những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cả Ấn Độ và Miến Điện đều từng bước thoát khỏi sự thống trị của thực dân Anh. Từ đây, Chính phủ và nhân dân hai nước đã bắt tay ngay vào công cuộc củng cố độc lập dân tộc sau một thời gian dài là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân. Trong hoàn cảnh đó, với những liên hệ mật thiết trên nhiều khía cạnh, dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng J. Nehru, mặc dù phải đối mặt với vô vàn những khó khăn cả trong lẫn ngoài nước trên tất cả các lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế đến xã hội, song Ấn Độ vẫn luôn dành sự quan tâm, hỗ trợ hết sức kịp thời và có hiệu quả cho quá trình củng cố và xây dựng đất nước của Miến Điện - quốc gia láng giềng Đông Nam Á.

**Từ khóa:** Ấn Độ, độc lập dân tộc, hỗ trợ, Miến Điện.

**Phân loại ngành:** Sử học

**Abstract:** In the years following World War II, both India and Burma gradually got out of the rule by British colonialists. Their governments and peoples then immediately embarked on the consolidation of national independence after a long period of being colonies. In such circumstances, given their close ties in many aspects, under the leadership of Prime Minister J. Nehru, despite facing numerous difficulties both at home and abroad in all fields, from political, economic to social ones, India always paid attention to and provided extremely timely and effective support for the process of consolidating and building the country by Burma, its neighbouring country in Southeast Asia.

**Keywords:** India, national independence, support, Burma.

**Subject classification:** History

## 1. Mở đầu

Sau khi giành độc lập từ Anh năm 1948, Miến Điện bắt tay ngay vào công cuộc củng cố độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước. Trong chặng đường ấy của quốc gia láng giềng Đông Nam Á, Ấn Độ luôn có những sự quan tâm, hỗ trợ kịp thời, đặc biệt là dưới thời cầm quyền của Thủ tướng J. Nehru (1947-1964). Với cách tiếp cận lịch sử trên cơ sở phân tích, tổng hợp, bài viết này sẽ làm sáng rõ căn nguyên cũng như phân tích những động thái cụ thể của sự hỗ trợ ấy. Qua đó có thể thấy rõ vị trí của Miến Điện trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ những thập niên đầu sau khi nước này giành được quyền tự trị. Đồng thời khẳng định tầm quan trọng, sự chi phối của yếu tố lợi ích quốc gia trong việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của các nước trên thế giới, trong đó có Ấn Độ.

## 2. Cơ sở sự hỗ trợ của Ấn Độ đối với công cuộc củng cố độc lập dân tộc của Miến Điện

### 2.1. Tầm quan trọng của Miến Điện đối với sự ổn định và phát triển của Ấn Độ

*Về an ninh - chính trị.* Là quốc gia láng giềng với đường biên giới chung cả trên bộ lẫn trên biển, Miến Điện có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Ấn Độ.

Trước hết, tầm quan trọng ấy được thể hiện rõ nét với phần biên giới trên bộ ở vùng Đông Bắc xa xôi của Ấn Độ. Sáu bang Đông Bắc của Ấn Độ kẹp giữa Bhutan, khu tự trị Tây Tạng của Trung

Quốc và Miến Điện. Trong khi Miến Điện có chung đường biên giới dài 1.643 km<sup>2</sup> với bốn trong sáu bang Đông Bắc của Ấn Độ<sup>3</sup> - những bang xa trung tâm Ấn Độ nhất thì Trung Quốc cũng có chung đường biên giới dài 1.125km với bang Arunachal Pradesh - nơi mà Trung Quốc tuyên bố là lãnh thổ của mình. Do đó, Arunachal Pradesh nằm ở vị trí rất dễ bị tấn công [9, tr.81]. Đồng thời, Miến Điện còn kiểm soát một trong những tuyến đường bộ quan trọng nhất từ phía nam Trung Quốc xuống khu vực Đông Nam Á. Nếu Ấn Độ không có quan hệ thân thiện với Miến Điện và quốc gia Đông Nam Á này nằm dưới sự kiểm soát của Trung Quốc thì Ấn Độ khó lòng giữ được các bang ở Đông Bắc như một phần trong lãnh thổ của mình. Đặc biệt, trong trường hợp nếu xảy ra cuộc xung đột giữa Trung Quốc và Ấn Độ, thì việc xâm lược Miến Điện sẽ là khúc dạo đầu cho sự xâm nhập vào Ấn Độ của Trung Quốc.

Về những liên hệ đường biển, Miến Điện có đường bờ biển dài 1.930 km ở vịnh Bengal và chỉ cách khu vực chiến lược đảo Andaman của Ấn Độ khoảng 30 km. Vì vậy, Miến Điện đảm bảo những cơ sở liên lạc thuận lợi bằng đường biển từ bên ngoài vào khu vực Đông Bắc Ấn Độ [14].

Với vị trí địa chiến lược của Miến Điện, việc một thế lực đối lập nào đó nắm quyền kiểm soát Miến Điện sẽ đe dọa trực tiếp đến an ninh cho cả đất liền, vùng trời và vùng biển của Ấn Độ. Bởi lực lượng đó không chỉ có thể điều quân trên bộ qua biên giới nước này, mà còn có thể ném bom vào các thành phố, trung tâm công nghiệp ở miền Đông Bắc, các thành phố ven biển phía Đông, làm tê liệt các hoạt động hàng hải của Ấn Độ trên vịnh Bengal, đe dọa đến sự

liên lạc giữa Ấn Độ với Thái Bình Dương qua eo biển Malacca, cắt đứt đường dây liên hệ của Ấn Độ đến Thái Bình Dương và Viễn Đông.

Mặt khác, có hai yếu tố nữa góp phần tăng cường tầm quan trọng về mặt an ninh - chính trị của Miến Điện trong mắt Ấn Độ. *Một là*, sự phân chia Ấn Độ (1947) dẫn đến việc ra đời của nhà nước Pakistan - một quốc gia có thái độ thù địch với Ấn Độ. Điều này đưa đến những lo ngại nghiêm trọng ở biên giới phía Tây Ấn Độ. Do đó, sự tồn tại của một quốc gia thân thiện trên biên giới phía Đông là điều mà Ấn Độ rất mong muốn nhằm tạo ra một sự cân bằng cần thiết, giúp Ấn Độ chống lại mối đe dọa ở phía Tây, tránh được việc bị bao vây cùng lúc từ hai quốc gia có thái độ không thân thiện. *Hai là*, việc xuất hiện của một nhà nước thống nhất ở biên giới phía Bắc Ấn Độ (sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1949) đã làm cho khu vực biên giới Đông Bắc vốn bị lãng quên của Ấn Độ trở thành một điểm nóng trong quan hệ Ấn - Trung sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Có thể nói, nền độc lập cũng như sự ổn định của Miến Điện có liên quan mật thiết đến an ninh - chính trị và toàn vẹn lãnh thổ của Ấn Độ. Đây chính là một trong những yếu tố quan trọng, là cơ sở thúc đẩy sự quan tâm của Chính phủ Ấn Độ dưới thời Thủ tướng J. Nehru đối với sự nghiệp củng cố độc lập dân tộc của Miến Điện.

*Về kinh tế - xã hội.* Miến Điện đóng vai trò quan trọng đối với sự ổn định và phát triển kinh tế của Ấn Độ khi là nước cung cấp gần như toàn bộ sản lượng gạo, dầu khoáng và gỗ tếch cho quốc gia Nam Á này. Trong năm 1938-1939, ba mặt hàng

trên chiếm 87% khối lượng hàng hóa mà Miến Điện nhập khẩu vào Ấn Độ. Đồng thời Miến Điện cũng là một thị trường tiêu thụ mạnh những loại hàng hóa của Ấn Độ, đặc biệt là động cơ diesel, radio, pin, máy móc thiết bị điện, máy thu không dây, đồ nội thất bằng kim loại, dụng cụ phẫu thuật, hóa chất và dụng cụ nông nghiệp [6, tr.36].

Việc mong muốn duy trì những quan hệ đầy tiềm năng trên lĩnh vực kinh tế với Miến Điện nhằm góp phần giải quyết những khó khăn về kinh tế sau khi giành được quyền tự trị trở thành một trong những cơ sở không thể thiếu cho những thiện chí của Ấn Độ đối với công cuộc củng cố độc lập dân tộc của Miến Điện.

Trong khi đó, sự hiện diện của một lượng lớn dân nhập cư Ấn Độ với vị trí kinh tế nổi bật ở Miến Điện cũng là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy sự quan tâm của Ấn Độ đến quốc gia láng giềng này dưới thời Thủ tướng J. Nehru. Công cuộc di dân ở Ấn Độ đã diễn ra với quy mô lớn, nhất là sau khi Anh hoàn thành xâm lược và kiểm soát Miến Điện vào nửa sau thế kỉ XIX. Năm 1872, đã có 136.504 người Ấn Độ đến Miến Điện. Từ sau năm 1885, số lượng người Ấn Độ nhập cư vào Miến Điện tăng nhanh đáng kể. Đến năm 1931, con số này là 1.017.825 người, chiếm 6,9% dân số Miến Điện lúc bấy giờ [17, tr.8]. W.S. Desai đã mô tả về số lượng đông đảo của Ấn kiều trong xã hội Miến Điện vào những thập niên đầu thế kỷ XX như sau: “Tất cả các ngành dịch vụ công cộng, công an, quân sự hoặc dân sự ở Miến Điện đều có sự tham gia của người Ấn” [5, tr.25].

Khi sang Miến Điện, bộ phận Ấn kiều trên đây làm việc tập trung chủ yếu trong các đồn điền mía, chè, cà phê, cao su, trong

các hầm mỏ, bến cảng, đường sắt hoặc làm giáo sĩ và các nghề phụ trợ. Cũng trong quá trình đó, thương nhân và những lao động tự do Ấn Độ với kiến thức, sự nhạy bén, năng động đã có được vị trí quan trọng trong xã hội Miến Điện, đặc biệt là trong các lĩnh vực kinh tế và hành chính.

Lúc đầu, sự hiện diện của những di dân Ấn Độ ở Miến Điện không thu hút nhiều sự quan tâm cũng như lo ngại của cư dân bản địa. Bởi lúc này, cũng giống nhiều nước khác ở Đông Nam Á, nhân dân Miến Điện đang dồn hết tâm trí và sức lực cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của người Anh. Vì vậy, những người nhập cư Ấn Độ có thể sống, làm việc, thậm chí làm giàu ở Miến Điện một cách hòa bình và được đảm bảo tương đối tốt về an ninh. Tuy nhiên, sau khi giành được độc lập, với mong muốn khôi phục lại quyền kiểm soát kinh tế, Chính phủ Miến Điện bắt đầu lo ngại về sự hiện diện của một lượng lớn người dân có nguồn gốc Ấn Độ - những người đang chiếm vị trí cực kỳ quan trọng trong nền kinh tế cũng như sở hữu một khối lượng lớn tài sản ở nước này<sup>4</sup>. Đối với Miến Điện, khi đất nước đã độc lập thì sự nguy hiểm không còn chủ yếu đến từ người da trắng, mà là người da vàng, không phải chủ yếu là người Anh, mà là người Ấn Độ. Các nhà lãnh đạo Ấn Độ nhận thức rất sâu sắc về vấn đề này, như J. Nehru từng công nhận: “Chúng ta có xu hướng áp đảo người khác, bởi cả số lượng và vị trí kinh tế của chúng ta ở đó” [18, tr.209].

Trước những phản ứng trên từ phía Miến Điện, với những phức tạp xã hội trong nước sau khi giành được quyền tự trị, cùng với những cố gắng bảo vệ cho người Ấn Độ ở nước ngoài, Chính phủ Ấn Độ cũng tìm

cách hạn chế tối đa sự quay trở về quê hương của số lượng lớn Ấn kiều nói trên. Để làm được điều đó, việc có thái độ thiện chí, sẵn sàng giúp đỡ Miến Điện vượt qua những khó khăn sau độc lập trong khả năng của mình là điều dễ hiểu cho những tính toán của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng J. Nehru.

## 2.2. Sự tương đồng trong định hướng đối ngoại giữa Ấn Độ và Miến Điện

Sau khi giành được độc lập, các nhà lãnh đạo Miến Điện đã xác định chính sách trung lập là nền tảng quan trọng nhất trong quan hệ đối ngoại của quốc gia Đông Nam Á này. Mặc dù trong hai năm đầu tiên (1948-1949), Miến Điện xa rời với định hướng ban đầu. Nhưng trước thái độ hờ hững của Anh, Mỹ - những nước mà trước đó, Miến Điện từng đặt rất nhiều hy vọng có thể giúp Miến Điện nhanh chóng giải quyết những khó khăn trong nước, Chính phủ Miến Điện đã nhanh chóng quay trở về con đường trung lập, không liên kết trong quan hệ đối ngoại. Và chính sách này kéo dài trong suốt thời gian còn lại của Chính phủ dân sự U Nu.

Ngay trong bài phát biểu tại Quốc hội Miến Điện ngày 28-9-1949, Thủ tướng U Nu đã bày tỏ quan điểm mới trong chính sách đối ngoại của Chính phủ Miến Điện, nhấn mạnh chính sách đối ngoại trung lập, không liên kết với 5 nguyên tắc cơ bản: (1) Không liên kết với bất kỳ khối quyền lực nào; (2) Duy trì quan hệ hữu nghị với tất cả các nước và không trở thành kẻ thù của bất cứ nước nào; (3) Chấp nhận những hỗ trợ kinh tế mà không có các điều khoản ràng buộc về chính trị; (4) Xem xét khách quan

mọi vấn đề trong chính sách đối ngoại; (5) Sẵn sàng đóng góp vào việc xây dựng hòa bình thế giới và giúp đỡ bất kỳ quốc gia nào cần được giúp đỡ” [8, tr.98]. Tuyên bố trên đồng nghĩa với việc Chính phủ Miến Điện không quan tâm đến các hiệp ước chống lại lực lượng cánh tả hay cánh hữu mà chỉ quan tâm đến việc duy trì hòa bình và chống xâm lược.

Bên cạnh việc không loại trừ, tiếp tục tìm kiếm các nguồn viện trợ từ phương Tây để chống lại lực lượng phiến quân cũng như thúc đẩy việc khôi phục và phát triển kinh tế trong nước, vào ngày 11-12-1949, Thủ tướng U Nu một lần nữa vẫn khẳng định chính sách độc lập và không liên kết với bất kỳ khối quyền lực nào trong các vấn đề đối ngoại của Miến Điện: “Hoàn cảnh của chúng ta đòi hỏi chúng ta phải theo đuổi chính sách độc lập và không liên minh với bất cứ khối quyền lực nào. Chỉ có một cương lĩnh chính trị mà chúng ta theo đuổi đó là những gì mà chúng ta cho là phù hợp nhất đối với sự ổn định và phát triển của Liên bang (Miến Điện) bất kể đó là con đường do Anh, Mỹ, Liên Xô hay Trung Quốc theo đuổi” [7, tr.51].

Trong bài phát biểu trước Quốc hội Miến Điện vào ngày 08-3-1951, sau khi Miến Điện cùng với Liên Xô bỏ phiếu chống lại nghị quyết do Mỹ hậu thuẫn cáo buộc Trung Quốc là nước xâm lược Triều Tiên tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, Thủ tướng U Nu đã giải thích lập trường của Miến Điện trên cơ sở chính sách đối ngoại trung lập, không liên kết của nước này: “Chính phủ Miến Điện hoàn toàn nhận thức được sự tồn tại của hai khối cường quốc, một do Anh - Mỹ và một do Liên Xô đứng đầu. Mặc dù Miến Điện là một quốc gia

nhỏ bé so với các nước trên nhưng chúng tôi vẫn luôn theo đuổi chính sách trung lập để giải quyết các vấn đề quốc tế với mục đích duy nhất là giành được hòa bình cho Liên bang và cho nhân loại mà không cần quan tâm đến những toan tính của các cường quốc này. Để khẳng định con đường đó, Miến Điện sẽ không bao giờ tham gia hay biến mình thành con rối cho bất kỳ khối quyền lực nào. Cơ sở duy nhất cho tất cả các quyết định của chúng tôi là nhận thức của chính chúng tôi về những gì là đúng đắn và hợp lý” [23].

Với những thành quả mà Miến Điện đã đạt được từ cuối năm 1949, chính sách đối ngoại trung lập, không liên kết vẫn tiếp tục được U Nu thực hiện sau khi quay lại chiếc ghế Thủ tướng vào tháng 3-1957 và trở lại chính phủ từ năm 1960. Đặc biệt, khi đảm nhận vị trí lãnh đạo Chính phủ lâm thời Miến Điện trong những năm 1958-1960, Tướng Ne Win cũng kiên trì chính sách đối ngoại được người tiền nhiệm đưa ra với tuyên bố: “Chính phủ của tôi không có bất cứ thay đổi nào về chính sách mà Miến Điện đã theo đuổi từ sau khi giành được độc lập. Tôi muốn tuyên bố rằng Chính phủ Miến Điện hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện nghiêm túc chính sách trung lập, tránh bị lôi cuốn vào những tình huống phức tạp trên thế giới” [12, tr.95].

Có thể thấy, từ cuối năm 1949, chủ nghĩa trung lập, không liên kết đã thực sự được thiết lập như hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Miến Điện. Thủ tướng U Nu nhiều lần nhấn mạnh về nội dung này trong chính sách đối ngoại của Miến Điện: “Chúng ta cần phải hợp tác với một hoặc những quốc gia có chung mối quan tâm với chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta sẽ không

liên minh với một khối quyền lực cụ thể nào để đối nghịch với khối còn lại” [7, tr.86].

Định hướng đối ngoại trên đây của Miến Điện cũng tương đồng với chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ năm 1947 trên nền tảng tư tưởng trung lập, không liên kết.

Là một nước vừa thoát khỏi sự thống trị của thực dân Anh (1947), do đó, Ấn Độ có mục tiêu lớn nhất là tập trung củng cố nội bộ, cải tạo, phát triển kinh tế, xây dựng đất nước hùng mạnh. Vì vậy, hơn lúc nào hết, để thực hiện mục tiêu trên, bên cạnh chính sách đối ngoại hòa bình, phản đối Chiến tranh lạnh, chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc, Ấn Độ phải tìm được một con đường đi mới giữa hai khối trong trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đó chính là con đường không liên kết. Và đây được coi là nội dung cốt lõi trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng J. Nehru. Ngay trước khi Ấn Độ được Anh trao trả độc lập, trong các bài phát biểu của mình, J. Nehru đã tuyên bố Ấn Độ sẽ không tham gia bất cứ nhóm quân sự nào, không thụ động trong các vấn đề như chiến tranh và hòa bình. Ấn Độ không thể chỉ là một nước “theo đóm ăn tàn” của bất cứ nước nào hoặc của bất cứ nhóm quốc gia nào [1, tr.54].

Lần đầu tiên trong bài phát biểu tại Hội nghị Colombo, Sri Lanka vào năm 1954, J. Nehru khẳng định không liên kết phải là sự tham gia tích cực vào sinh hoạt chính trị quốc tế trên cơ sở tự do và bình đẳng của tất cả các nước vì lợi ích của hòa bình và an ninh trên toàn thế giới. Với đường lối không liên kết, Ấn Độ còn nhấn mạnh đến việc đánh giá từng vấn đề chính trị quốc tế trên nguyên tắc nâng cao sự tự quyết, khả năng và tính linh hoạt mềm dẻo của các nước.

Như vậy, với nền tảng quan hệ được xây dựng từ trong quá khứ, đặc biệt là tầm quan trọng có tính chiến lược của Miến Điện đối với sự ổn định về an ninh, chính trị, xã hội và sự phát triển về kinh tế của Ấn Độ cùng sự tương đồng trong việc lựa chọn con đường đối ngoại trung lập, không liên kết đã trở thành những chất xúc tác hiệu quả, chất keo kết dính Ấn Độ với Miến Điện, thúc đẩy sự hỗ trợ nhiệt tình và kịp thời của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng J. Nehru cho công cuộc củng cố độc lập dân tộc của Miến Điện.

### **3. Những động thái hỗ trợ của Ấn Độ đối với công cuộc củng cố độc lập dân tộc của Miến Điện**

#### *3.1. Thu mua gạo từ Miến Điện với giá cao*

Sau khi giành được độc lập, khi mà những thiệt hại do chiến tranh gây ra vẫn chưa được giải quyết thì Miến Điện lại còn phải đối mặt với những khó khăn rất lớn phát sinh từ cuộc nội chiến ngay sau đó. Trong ba tháng kể từ khi Anh chuyển giao quyền kiểm soát cho Chính phủ dân tộc chủ nghĩa Miến Điện, những người cộng sản Miến Điện với sự ủng hộ của Tổ chức phòng thủ dân tộc Karen (KNDO) và Tổ chức tình nguyện nhân dân (PVO) đã tiến hành cuộc khởi nghĩa vũ trang chống lại chính quyền hợp pháp do U Nu làm Thủ tướng ở Miến Điện [22]. Cuộc nội chiến đã gây ra gánh nặng về nhiều mặt cho Chính phủ Miến Điện. Một mặt là tình trạng sản xuất bị đình trệ và liên lạc bị gián đoạn. Mặt khác, việc tiến hành các hoạt động quân sự chống lại lực lượng phiến quân rất tốn kém. Thêm vào đó, Chính phủ Miến Điện

vừa mới lên nắm quyền lực nên chưa thể sắp xếp, ổn định công việc của đất nước, từ hành chính đến tài chính. Do vậy, Chính phủ mới không có đủ ngân sách vận hành chính quyền cũng như mua vũ khí và trang thiết bị cần thiết để khôi phục trật tự, luật pháp và trả nợ cho các nước, trong đó có Ấn Độ.

Đối với Ấn Độ, năm 1947, khi được Anh chuyển giao quyền lực, tình hình nội tại của Ấn Độ cũng đối mặt với những khó khăn toàn diện trong các lĩnh vực đời sống xã hội. Tuy nhiên, với nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng mang tính chiến lược của Miến Điện trong việc đảm bảo an ninh trên biển, trên đất liền (đặc biệt là ở khu vực biên giới phía Đông Bắc) của Ấn Độ cũng như những lợi thế bổ sung mà Miến Điện có thể đáp ứng cho sự ổn định và phát triển kinh tế, xã hội, Chính phủ Ấn Độ đã luôn tổ chức những hoạt động có hiệu quả nhằm giúp Miến Điện nhanh chóng vượt qua khó khăn sau khi giành được độc lập.

Điểm đáng chú ý là mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn sau khi giành được độc lập nhưng không giống như các ngành sản xuất khác, sản lượng gạo của Miến Điện không chỉ cung cấp đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước mà còn đáp ứng được yêu cầu xuất khẩu, nhất là cho Ấn Độ, vốn là nước nhập khẩu gạo chủ yếu của Miến Điện.

Để kịp thời giúp Miến Điện vượt qua khó khăn, ổn định tình hình trong nước sau khi vừa giành được độc lập, Ấn Độ tiếp tục mua gạo với mức giá có lợi cho Miến Điện. Từ ngày 18-8-1950 đến ngày 30-6-1951, Ấn Độ mua 170.000 tấn gạo từ Miến Điện với mức giá tương đối cao 40 bảng Anh/tấn [2]. Đặc biệt, đến ngày 21-9-1951, Ấn Độ đã ký một thỏa thuận thương mại 5 năm với Miến Điện. Theo đó, Ấn Độ cam

kết sẽ mua 240.000 tấn gạo từ Miến Điện trong năm 1951 và những năm sau sẽ thu mua bình quân 350.000 tấn/năm cho đến ngày 31-12-1955; Ấn Độ còn đồng ý cung cấp những hàng hóa cần thiết cho Miến Điện theo thỏa thuận [24, tr.71]. Nói cách khác, Miến Điện có thể mua được các sản phẩm thiết yếu từ Ấn Độ trong 5 năm. Điều này sẽ giúp Miến Điện giải quyết được những nhu cầu cấp bách, phục vụ đời sống của nhân dân, đồng thời giảm nhẹ những lo lắng về việc phải giải quyết một lượng lớn gạo dư thừa trong nước. Từ *The Hindu* số ra ngày 18-3-1953 nhận xét những thỏa thuận trên giữa hai nước đã thể hiện quan hệ chính trị tốt đẹp giữa hai bên, nó “không chỉ hoàn toàn thuận túy thương mại mà nó còn thể hiện sự thiện chí của Ấn Độ đối với quốc gia Đông Nam Á này” [19]. Tiếp đó, ngày 08-4-1954, Chính phủ Ấn Độ lại tiếp tục ký kết với Chính phủ Miến Điện một bản thỏa thuận khác với nội dung sẽ mua từ Miến Điện 900.000 tấn gạo trong ba năm để dự trữ với mức giá tương đối cao là 48 bảng Anh/tấn. Đây được xem là giải pháp quan trọng giúp Miến Điện thanh toán các khoản nợ đối với Ấn Độ [24, tr.71].

Đến tháng 5-1956, Chính phủ Ấn Độ tiếp tục ký kết một thỏa thuận thương mại khác với Miến Điện. Theo đó, Ấn Độ cam kết sẽ mua từ Miến Điện hai triệu tấn gạo trong thời hạn 5 năm, bắt đầu từ ngày 01-6-1956 với mục đích duy trì cán cân thương mại có lợi cho Miến Điện. Một thỏa thuận khác giữa hai nước cũng được ký vào ngày 30-12-1959, trong đó, Ấn Độ đồng ý mua của Miến Điện 150.000 tấn gạo và yêu cầu các nhà máy của Ấn Độ có trách nhiệm thu mua 350.000 tấn khác của Miến Điện trong vụ mùa năm 1960 [10]. Bên cạnh đó,

ngày 05-12-1960, Bộ trưởng Lương thực Ấn Độ, S. K. Patil thông báo với Quốc hội Ấn Độ rằng chính phủ nước này sẽ ký tắt với Miến Điện một thỏa thuận thương mại 5 năm về việc nhập khẩu gạo tương tự như thỏa thuận đầu tiên khi thỏa thuận đó hết hiệu lực [11].

### 3.2. Cung cấp vũ khí cho Miến Điện

Tình hình chính trị của Miến Điện được ổn định là một trong những cơ sở quan trọng để quốc gia Đông Nam Á này giữ vững nền độc lập dân tộc, bảo vệ hòa bình biên giới giữa hai nước Ấn Độ - Miến Điện. Nhận thức sâu sắc vấn đề đó, ngoài việc thu mua gạo với giá cao, Ấn Độ còn cung cấp vũ khí cho Miến Điện để chống lại các lực lượng nổi dậy trong nước.

Ngày 12-4-1949, Thủ tướng U Nu đã đến Delhi hội kiến với người đồng cấp Ấn Độ, J. Nehru để yêu cầu được hỗ trợ về vũ khí, đạn dược, máy bay và tài chính. Sau đó bốn ngày, Chính phủ Ấn Độ thông báo đồng ý với những yêu cầu mà Thủ tướng Miến Điện U Nu đưa ra. Đặc biệt, vào ngày 06-3-1950, Thủ tướng J. Nehru nhấn mạnh trong một bài phát biểu tại Delhi: “Ấn Độ sẵn sàng hỗ trợ vũ khí bất cứ khi nào Miến Điện yêu cầu” [2]. Bên cạnh vũ khí hạng nhẹ và đạn dược, Chính phủ Ấn Độ còn chấp thuận cho Chính phủ Miến Điện mua của Ấn Độ 6 máy bay Dakotas [15].

### 3.3. Hỗ trợ tài chính cho Miến Điện

Cùng với việc cung cấp vũ khí, đạn dược và các loại máy bay chuyên chở, Chính phủ Ấn Độ còn hỗ trợ cho Miến Điện các khoản vay song phương lẫn đa phương để giúp chính

phủ nước này có thể hoạt động hiệu quả. Được sự đồng ý của Anh, Ấn Độ đã mời đại diện chính phủ các nước trong Khối thịnh vượng chung là Anh, Australia, Sri Lanka và Pakistan tham dự cuộc họp không chính thức tại Dehli vào ngày 28-02-1949 để xem xét tình hình Miến Điện. Sau hai tháng, vào tháng 4-1949, đại diện chính phủ các nước nói trên một lần nữa nhóm họp tại London để thảo luận và thống nhất việc Khối thịnh vượng chung sẽ “cung cấp những phương tiện cần thiết cho Chính phủ Thakin Nu để kết thúc căng thẳng, nhanh chóng tái lập hòa bình tại Miến Điện” [22, tr.90]. Các nước Anh, Ấn Độ, Australia, Pakistan, Sri Lanka đồng ý cung cấp cho Chính phủ Miến Điện một khoản vay trị giá 7,5 triệu bảng Anh để mua vũ khí và nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng cần thiết. Rõ ràng, “Chính phủ Ấn Độ đã phối hợp với chính phủ của các nước thuộc Khối thịnh vượng chung trong việc tăng cường sức mạnh cho Chính phủ Miến Điện để chống lại lực lượng nổi dậy trong nước” [13, tr.43].

Bên cạnh sự hỗ trợ về tài chính cùng với các quốc gia khác trong Khối thịnh vượng chung, năm 1955, Ấn Độ còn quyết định cấp cho Miến Điện một khoản vay song phương lên tới 200 triệu rupee, lãi suất 4,75%/ năm với thời hạn thanh toán trong vòng ba năm, bắt đầu từ tháng 4-1960 [16, tr.131].

Để giảm bớt gánh nặng tài chính cho Chính phủ Miến Điện, bên cạnh những thỏa thuận hỗ trợ về tài chính song phương và đa phương, Chính phủ Ấn Độ còn quyết định không thúc ép Miến Điện phải trả các khoản nợ khi đến hạn theo thỏa thuận năm 1937. Thậm chí vào năm 1954, Ấn Độ còn xóa một số khoản nợ cho Miến Điện.

Trước đó, theo thỏa thuận phân chia năm 1937, khi Miến Điện tách khỏi Ấn Độ, Chính phủ Miến Điện sẽ phải trả cho Ấn Độ 507.500.000 rupee trong vòng 45 năm với lãi suất 3,5 %/ năm. Tính đến ngày 31-3-1946, Miến Điện vẫn còn nợ Ấn Độ 481.455.147 rupee tiền gốc và 28.390.295 rupee tiền lãi [3, tr.165].

Tuy nhiên, sau khi giành độc lập, Chính phủ Miến Điện vẫn cho rằng việc phải trả cho Ấn Độ một khoản tiền lớn như vậy là không phù hợp. Trước tình hình đó cùng với việc biết rõ Chính phủ Miến Điện còn đang phải đối mặt với những khó khăn nghiêm trọng trong nước, Chính phủ Ấn Độ đã không đưa ra những biện pháp quyết liệt thúc ép Miến Điện thanh toán các khoản nợ này. Đặc biệt, với mong muốn duy trì mối quan hệ gần gũi và thân thiện với Miến Điện, ngày 08-4-1954, Chính phủ Ấn Độ quyết định chỉ yêu cầu Miến Điện thanh toán 50% số nợ gốc cùng với toàn bộ số lãi là 200 triệu rupee theo hình thức Miến Điện bán cho Ấn Độ 900.000 tấn gạo với mức giá 48 bảng mỗi tấn, cao hơn 13 bảng/ tấn so với mức giá hiện hành. Như vậy, tổng số tiền thu được là 156 triệu rupee, vẫn còn thiếu 44 triệu rupee. Tiếp đó, trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế, tài chính của Miến Điện trong giai đoạn này, Chính phủ Ấn Độ đã quyết định xóa hết số nợ trên cho Miến Điện bằng cách chuyển số nợ còn lại này thành một phần trong khoản viện trợ tài chính cho Miến Điện với lãi suất 4,75%/ năm theo nội dung Kế hoạch Colombo (có hiệu lực từ năm 1955) [4]. Theo kế hoạch này, phải đến tháng 4-1960, Miến Điện mới bắt đầu thanh toán khoản vay trên cho Ấn Độ. Thời gian thanh toán kéo dài trong vòng 3 năm. Như vậy, với việc

kéo dài thời hạn thanh toán nợ đến tháng 4-1963, Ấn Độ đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi để Miến Điện có thể thanh toán toàn bộ số tiền mà Miến Điện nợ Ấn Độ từ khi tách ra khỏi Ấn Độ năm 1937.

Với những tính toán chiến lược cho hòa bình và vị thế dân tộc thể hiện qua những quyết định nhanh chóng và hào phóng, Ấn Độ đã xóa cho Miến Điện một khoản nợ lớn. Đó là hành động có ý nghĩa và đầy thiện chí mà Ấn Độ dành cho Miến Điện. Tờ Hindu số ra ngày 11-4-1954 bình luận Thỏa thuận trên cho thấy: “Ấn Độ đã đối xử với Miến Điện không chỉ như là một người hàng xóm tốt, mà còn là một quý nhân” [20].

#### 4. Kết luận

Miến Điện là quốc gia láng giềng ở Đông Nam Á có tác động trực tiếp trên một phạm vi rộng lớn đối với sự sống còn của Ấn Độ. Với vị trí địa chiến lược của mình, Miến Điện đóng vai trò rất quan trọng đối với an ninh, chính trị của Ấn Độ. Bên cạnh đó, yếu tố kinh tế - xã hội cũng góp phần chi phối sự tính toán của Chính phủ Ấn Độ trong quan hệ với Miến Điện. Lợi ích kinh tế - xã hội cũng như an ninh, sự ổn định chính trị của Ấn Độ sẽ bị đe dọa và ảnh hưởng nếu tồn tại sát sườn một Miến Điện trong tình trạng bất ổn. Vì vậy, “Ấn Độ không thể thờ ơ trước việc một cường quốc trên thế giới chiếm đóng Miến Điện mà không có những biện pháp cần thiết để ngăn chặn” [22, tr.356]. Tờ Hindu số ra ngày 18-3-1953 cũng có quan điểm tương tự khi cho rằng: “Sự quan tâm của Ấn Độ về những gì xảy ra ở Miến Điện không chỉ là một sự tư vấn cho một người hàng xóm tốt. Chúng tôi

cực kỳ quan tâm đến những vấn đề liên quan đến sự ổn định và an toàn của Miến Điện. Bởi chỉ khi chính quyền ở Miến Điện ổn định, mạnh mẽ thì biên giới Đông Bắc nói riêng và Ấn Độ nói chung mới được an toàn” [19].

Từ nhận thức sâu sắc ấy, việc thu mua gạo với giá cao, cung cấp vũ khí, hỗ trợ tài chính trong bối cảnh Miến Điện đang phải tiến hành công cuộc củng cố độc lập dân tộc với rất nhiều khó khăn là những tính toán hợp lý để Ấn Độ đảm bảo được một không gian an ninh, hòa bình, ổn định cho Miến Điện cũng như khu vực biên giới phía Đông của Ấn Độ. Đề cập đến khoản viện trợ của Ấn Độ dành cho Miến Điện, tờ *The Statesman* số ra ngày 10-3-1949 chỉ ra rằng: “Chắc chắn Ấn Độ không hoàn toàn vô tư. Số tiền đầu tư ở Miến Điện không phải là nhỏ. Nhưng dân số Ấn Độ trong nước hiện quá đông và Chính phủ Ấn Độ sẽ phải đối mặt với rất nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội và chính trị khi đón nhận về nước một số lượng lớn người Ấn từ Miến Điện và bị cắt đứt các khoản kiều hối chuyển về Ấn Độ từ bộ phận này” [21].

Có thể thấy, với tầm quan trọng của Miến Điện, J. Nehru cũng như Chính phủ Ấn Độ luôn thể hiện sự nỗ lực, tích cực, chủ động trong việc giúp đỡ Miến Điện với những chính sách hỗ trợ kịp thời về kinh tế, vũ khí, tài chính... Nhờ các biện pháp trên đây của Ấn Độ mà Miến Điện có điều kiện thuận lợi hơn để củng cố, xây dựng đất nước, nâng cao đời sống nhân dân. Những sự hỗ trợ kịp thời, nhanh chóng, linh hoạt ấy của Chính phủ Ấn Độ đã nhận được phản ứng rất tích cực từ Chính phủ Miến Điện. Qua đó, gián tiếp tạo môi trường thuận lợi để Ấn Độ và Miến Điện giải quyết

hiệu quả những vấn đề tồn tại giữa hai nước cũng như góp phần vào sự ổn định và phát triển của Ấn Độ.

Nói tóm lại, với tầm quan trọng chiến lược về an ninh - chính trị, kinh tế - xã hội của Miến Điện, có thể thấy quốc gia Đông Nam Á này có những ưu thế cần thiết đáp ứng các yêu cầu đặt ra của một Ấn Độ độc lập. Vì lẽ đó, Chính phủ Ấn Độ mà đứng đầu là Thủ tướng J. Nehru luôn sẵn sàng, chủ động giúp đỡ với những biện pháp kịp thời, hiệu quả nhằm giúp đỡ Miến Điện vượt qua những khó khăn sau độc lập. Nhìn rộng ra, những bước đi ấy là vô cùng khéo léo, linh hoạt nhằm hướng đến mục tiêu cao nhất là đảm bảo tối đa lợi ích quốc gia của Ấn Độ trong bối cảnh nước này cũng đang từng bước vươn lên, khắc phục những hậu quả nặng nề sau thời gian dài nằm dưới sự cai trị của thực dân phương Tây.

### Chú thích

<sup>2</sup> Theo tác giả Vũ Quang Thiện trong *Lịch sử Myanma*, Nxb Khoa học xã hội (2005), biên giới giữa Ấn Độ và Miến Điện là 1.338 km.

<sup>3</sup> Đó là *Arunachal Pradesh* (510 km), *Manipur* (398 km), *Mizoram* (520 km) và *Nagaland* (215 km).

<sup>4</sup> Trong lĩnh vực thương mại, tại các bến cảng ở Rangoon, vào năm 1934, người Ấn Độ gần như hoàn toàn thay thế người Miến Điện. Sự phát triển kinh tế của Miến Điện thời thuộc Anh cũng mở ra nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư Ấn Độ. Ngoài việc cho người dân Miến Điện vay tiền, các chettiar Ấn Độ cũng mua được một diện tích đất nông nghiệp khá lớn. Vào năm 1930, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và sự sụt giảm giá cả khiến nhiều nông dân Miến Điện phải bán một phần đất đai của họ để trả nợ. Hầu hết các vùng đất này đã được người Ấn Độ mua lại.

Tính đến năm 1939, người Ấn Độ đã sở hữu 2,5 triệu/ 11,25 triệu hecta đất nông nghiệp ở Hạ Miến Điện. Trong kinh doanh, người Ấn Độ cũng nắm những vị trí quan trọng. Họ kiểm soát 60% doanh nghiệp nói chung, 80% các doanh nghiệp dệt may và 90% thị phần xuất khẩu gạo.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Ngô Minh Oanh (2005), “ Tư tưởng không liên kết ở Ấn Độ, từ Jawaharlal Nehru đến Indira Gandhi”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2 (52).
- [2] *Burma Weekly Bullentin* (1950), August 19.
- [3] Constituent Assembly (1947), *Parliamentary Debates*, vol. 1, part 1, November 19.
- [4] Constituent Assembly (1954), *Parliamentary Debates*, Appendix to Debates.
- [5] Desai, W.S (1954), *India and Burma: A Study*, Orient Longmans, Calcutta.
- [6] Ganguli, B.N (1956), *India's Economic Relations with the Far Eastern and Pacific Countries in the Present Century*, Orient Longmans, Calcutta.
- [7] Government of the Union of Burma (1951), *From Peace to Stability*, Ministry of Information, Rangoon.
- [8] Government of the Union of Burma (1953), *Burma Looks Ahead*, Ministry of Information, Rangoon.
- [9] Gupta, Ranjit (2013), “China, Myanmar and India: A Strategic Perspective”, *Indian Foreign Affairs Journal*, Vol. 8, No. 1 (84).
- [10] *India News* (1959), December 31.
- [11] *India News* (1960), December 6.
- [12] Johnstone, William C. (1959), *A Chronology of Burma's International Relations 1945-1958*, Rangoon University, Rangoon.
- [13] Kapur, Harish (1994), *Indian Foreign Policy: 1947-1992: Shadows and Substance*, Sage Publications, New Dehli.
- [14] Mohan, C. Raja (2007), *India's Outdated Myanmar Policy: Time for a Change*. RSIS COMMENTARIES, 4 October.
- [15] Lok Sabha (1953), *Parliamentary Debates*, Vol. 2, part 1, May 13, col. 3082.
- [16] Lok Sabha (1955), *Parliamentary Debates*, Vol. 6, part 1, November 26, col. 556-57.
- [17] Pearn, B. R. (1946), *The Indian in Burma*, Ledbury, Le Playhouse Press, England.
- [18] *Speeches of Prime Jawaharlal Nehru (1946-1949)*, Vol I.
- [19] *The Hindu* (1953), March 18.
- [20] *The Hindu* (1954), April 11.
- [21] *The Statesman* (1949), March 10.
- [22] Tinker, Hugh (1959), *The Union of Burma: A Study of the First Five Years of Independence*, London: Oxford University Press, 2<sup>nd</sup> edition.
- [23] U Nu (1951), “*Internal and External Problems*”, speech before Parliament on March 8.
- [24] United Nations (1954), *Legislative Series, Laws concerning Nationality, ST/LEG/SER.B/4*.